

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 260/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2025

V/v ly hôn Thứ – Nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phương

Ông Lê Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST - HNGĐ ngày 26/02/2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1982.

Trú tại: tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1981.

Trú tại: tổ A, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Minh T trình bày:

Thông qua mai mối, bà T và ông N thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào ngày 25/11/2009 nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số I ngày 11 tháng 01 năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, do ông N không quan tâm

chăm sóc vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cự cãi, tính tình mỗi người dần khác biệt, không thể hoà hợp, bất đồng quan điểm ngày càng nhiều. bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 8/2023 đến nay, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân ông N, bà T không qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

Con chung: ông N, bà T có hai con chung tên Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 11/02/2012, con chung đang sống chung với bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết;

Nợ chung: Không có. Ngày 19/03/2025 bà Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thành N vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Ông Nguyễn Văn H là anh ruột của ông Nguyễn Thành N cho biết:

Nguyễn Minh T là em dâu, N là em ruột, N đang sinh sống cùng gia đình tại ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang, tuy nhiên N hiện đang đi làm xa ở Thành Phố Hồ Chí Minh, N có biết T nộp đơn ly hôn tại Toà, việc ly hôn tùy Toà án giải quyết theo quy định pháp luật, N, T có hai con chung hiện do T đang nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung của T, Nghiệp ông H không rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Nguyễn Minh T đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Thành N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông N vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Minh T đối với ông Nguyễn Thành N. Bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

con chung tên Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 11/02/2012. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: bà Nguyễn Minh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông N nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông N được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1 Về hôn nhân: bà T và ông N tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2009 và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 11/01/2010 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông N, bà T chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cãi nhau, tính tình vợ chồng không còn phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi xảy ra cự cãi không tìm cách hoà giải mà lại bỏ nhà đi từ khoảng năm 2023 đến nay, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại, điện thoại hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà T xin ly hôn với ông N.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Thế nhưng vợ chồng ông N, bà T không còn chung sống khoảng hơn 01 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Nguyễn Minh T được ly hôn ông Nguyễn Thành N.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông N có 02 con chung tên Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 11/02/2012. Con chung đang sống chung bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con, xét từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với bà T, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Tuyết B và Khánh Đ cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông N vắng mặt, không ý kiến về con chung, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] bà T trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh T.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Minh T được ly hôn ông Nguyễn Thành N.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 11/02/2012 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. ông N không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Nguyễn Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011841 ngày 18/02/2025 của

Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Thành N không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông N, bà T vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Long Hoà;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo

